

## PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

### CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

*“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:*

#### **I. Giới thiệu:**

##### **1. Khái quát về dự án và gói thầu:**

1.1. Tên dự án: Đầu tư cơ sở vật chất cho Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn

1.2. Tên gói thầu: TV9: Tư vấn giám sát Thi công xây dựng, cung cấp lắp đặt thiết bị gói thầu XL02, thí nghiệm cọc khoan nhồi

1.3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư chuyên ngành xây dựng

1.4. Nguồn vốn dự án: Vốn Vốn đầu tư phát triển nguồn Ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025

1.5. Địa điểm xây dựng: Phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.6. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

1.7. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ.

1.8. Quy mô đầu tư và giải pháp thiết kế: *Theo thuyết minh hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đính kèm.*

##### **2. Mục đích lựa chọn nhà thầu**

Lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu TV9: Tư vấn giám sát Thi công xây dựng, cung cấp lắp đặt thiết bị gói thầu XL02, thí nghiệm cọc khoan nhồi.

#### **II. Phạm vi công việc:**

##### **2.1. Yêu cầu chung:**

Đảm bảo theo các yêu cầu của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và theo các Nghị định của Chính phủ: số 175/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

##### **2.1.1. Yêu cầu chung đối với tư vấn giám sát**

- a) Thực hiện giám sát ngay từ khi khởi công công trình.
- b) Thường xuyên, liên tục trong quá trình thi công xây dựng.
- c) Căn cứ vào thiết kế được duyệt, chỉ dẫn kỹ thuật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng.
- d) Trung thực, khách quan, không vụ lợi.

*2.1.2. Việc giám sát thường xuyên, liên tục, có hệ thống, được hiểu và có nghĩa như sau:*

a) TVGS sẽ thống nhất với Nhà thầu thi công xây dựng, Chủ đầu tư về hệ thống, kế hoạch, biện pháp kiểm soát chất lượng, trên cơ sở hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, các tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thi công và nghiệm thu, biện pháp thi công, quy trình giám sát thi công và nghiệm thu và các đề xuất khác do các bên đề xuất;

b) Giám sát thi công xây dựng, nghiệm thu công việc xây dựng theo đúng quy trình giám sát thi công và nghiệm thu, đúng biện pháp kiểm soát chất lượng được Chủ đầu tư phê duyệt;

c) Tư vấn giám sát có mặt tại hiện trường, để kiểm tra và nghiệm thu vật tư, thiết bị; nghiệm thu công việc xây dựng hoàn thành; nghiệm thu công việc che khuất hay nghiệm thu giai đoạn sau khi có phiếu yêu cầu nghiệm thu của Nhà thầu do chỉ huy trưởng công trường ký xác nhận. Kết quả nghiệm thu được ghi biên bản hoặc phiếu kiểm tra do Nhà thầu lập;

d) Đối với các công việc kiểm tra nghiệm thu thường xuyên hàng ngày mà kết quả kiểm tra ghi vào phiếu kiểm tra hay NKTC thì không bắt buộc phải có phiếu yêu cầu nghiệm thu;

đ) Việc kiểm tra, nghiệm thu và ghi chép NKTC diễn ra theo một quy trình nhất định, tuần tự, không thay đổi trong suốt quá trình xây dựng công trình.

**2.2 Yêu cầu về công tác Chi phí giám sát thi công xây dựng xây dựng công trình:**

*2.2.1 Nhiệm vụ chung của công tác tư vấn giám sát:*

a) Tư vấn giám sát có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ vai trò trách nhiệm của mình như đã ký kết (hoặc thoả thuận bằng văn bản) với Chủ đầu tư bằng hợp đồng kinh tế;

b) Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

c) Kiểm tra biện pháp thi công xây dựng của nhà thầu so với thiết kế biện pháp thi công đã được phê duyệt. Chấp thuận kế hoạch tổng hợp về an toàn, các biện pháp đảm bảo an toàn chi tiết đối với những công việc đặc thù, có nguy cơ mất an toàn lao động cao trong thi công xây dựng công trình;

d) Kiểm tra và chấp thuận vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình;

e) Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng công trình và các nhà thầu khác thực hiện công việc xây dựng tại hiện trường theo yêu cầu của thiết kế xây dựng và tiến độ thi công của công trình;

f) Giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình; giám sát các biện pháp đảm bảo an toàn đối với công trình lân cận, công tác quan trắc công trình;

g) Đề nghị chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh thiết kế khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế;

h) Yêu cầu nhà thầu tạm dừng thi công khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn, vi phạm các quy định về quản lý an toàn lao động làm xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động; chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình và phối hợp xử lý, khắc phục sự cố theo quy định;

i) Kiểm tra, đánh giá kết quả thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng trong quá trình thi công xây dựng và các tài liệu khác có liên quan phục vụ nghiệm thu; kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công

b) Nghiệm thu xác nhận khi công trình đã thi công bảo đảm đúng thiết kế, theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và đảm bảo chất lượng.

c) Từ chối nghiệm thu công trình không đạt yêu cầu chất lượng.

d) Đề xuất với Chủ đầu tư xây dựng công trình những bất hợp lý về thiết kế nếu phát hiện ra để kịp thời sửa đổi.

j) Yêu cầu Nhà thầu thi công xây dựng thực hiện đúng hợp đồng thi công xây lắp ký với Chủ đầu tư.

k) Bảo lưu các ý kiến của TVGS đối với công việc giám sát do mình đảm nhận.

l) Từ chối yêu cầu bất hợp lý của các bên liên quan.

#### *2.2.2. Công tác chuẩn bị của tổ chức tư vấn giám sát:*

a). Lập đề cương chi tiết thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình. Nội dung đề cương giám sát thi công xây dựng công trình bao gồm: Sơ đồ tổ chức hệ thống giám sát thi công; văn phòng giám sát tại hiện trường; nhiệm vụ, quyền hạn, nội dung công việc thực hiện của mỗi chức danh giám sát; hệ thống quản lý chất lượng và kế hoạch, quy trình kiểm soát chất lượng; quy trình kiểm tra, nghiệm thu, phương pháp quản lý các tài liệu, hồ sơ; nội dung cần thiết khác liên quan đến giám sát xây dựng công trình.

- Nội dung đề cương chi tiết phải phù hợp với nội dung trong hồ sơ hợp đồng và phải được chủ đầu tư chấp thuận trước khi tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình.

- Bố trí các văn phòng giám sát tại hiện trường đảm bảo có đủ diện tích làm việc, đủ thiết bị văn phòng, bàn ghế, tủ, trang thiết bị, dụng cụ cần thiết cho công tác giám sát thi công xây dựng; trang bị đồng phục và đầy đủ các dụng cụ bảo hộ, an toàn lao động trong thời gian thực hiện nhiệm vụ (ghi rõ tên nhà thầu tư vấn giám sát, người giám sát thi công xây dựng). Lập hồ sơ theo dõi công tác giám sát thi công hàng ngày cho từng văn phòng và vị trí giám sát để làm cơ sở theo dõi, đánh giá thực hiện và đối chiếu với nhật ký thi công khi cần thiết.

b) Hệ thống quản lý chất lượng thực hiện giám sát thi công xây dựng của nhà thầu tư vấn giám sát Nhà thầu tư vấn giám sát phải xây dựng hệ thống quản lý chất

lượng và tổ chức văn phòng giám sát tại hiện trường phù hợp với quy mô, yêu cầu của từng dự án, công trình, cụ thể:

- Bố trí các văn phòng giám sát tại hiện trường đảm bảo có đủ diện tích làm việc, đủ thiết bị văn phòng, bàn ghế, tủ, trang thiết bị, dụng cụ cần thiết cho công tác giám sát thi công xây dựng; trang bị đồng phục và đầy đủ các dụng cụ bảo hộ, an toàn lao động trong thời gian thực hiện nhiệm vụ (ghi rõ tên nhà thầu tư vấn giám sát, người giám sát thi công xây dựng). Lập hồ sơ theo dõi công tác giám sát thi công hàng ngày cho từng văn phòng và vị trí giám sát để làm cơ sở theo dõi, đánh giá thực hiện và đối chiếu với nhật ký thi công khi cần thiết

- Số lượng và cơ cấu nhân sự trong mỗi văn phòng, mỗi gói thầu phải bố trí phù hợp với tiến độ xây dựng (dự án, gói thầu) và phải được chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án được chủ đầu tư ủy quyền phê duyệt trên cơ sở đề xuất và trình của tư vấn giám sát trưởng. Căn cứ vào tiến độ thực hiện cụ thể của từng gói thầu xây lắp nhà thầu sẽ bố trí lực lượng Tư vấn giám sát viên có trình độ và năng lực phù hợp với yêu cầu tại từng thời điểm để thực hiện công tác tư vấn giám sát. Các cán bộ giám sát bố trí để thực hiện dự án phải là những cán bộ ưu tú, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn vững vàng, có nhiều kinh nghiệm trong công tác giám sát, thi công và thiết kế các dự án giao thông. Việc huy động các cán bộ giám sát sẽ được tiến hành theo tiến độ thực hiện của gói thầu, của từng nội dung công việc của dự án. Để có cơ sở triển khai thực hiện, TVGS sẽ lập phương án và tờ trình chi tiết trình Chủ đầu tư phê duyệt. Cơ cấu nhân sự chủ chốt tối thiểu phải đáp ứng theo yêu cầu về tiêu chí đánh giá HSDT

TVGS thành lập văn phòng làm việc và phòng ở cho cán bộ giám sát ở gần công trường; đảm bảo diện tích văn phòng ở và làm việc cho mỗi người không ít hơn 8m<sup>2</sup>/1 người.

Chi phí hoạt động của Văn phòng do TVGS chi trả.

Để đảm bảo công tác tư vấn giám sát dự án được thực hiện đạt hiệu quả cao nhất văn phòng phải huy động đủ máy móc, thiết bị văn phòng để phục vụ công tác tư vấn giám sát.

### **2.3. Giám sát chất lượng:**

#### **2.3.1. Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng**

Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định tại Điều 107 của Luật Xây dựng như sau:

##### **a) Bàn giao mặt bằng xây dựng**

- Chủ đầu tư cùng Tư vấn thiết kế bàn giao mặt bằng xây dựng bằng văn bản có chữ ký và đóng dấu cho Nhà thầu. Chủ đầu tư có thể bàn giao toàn bộ mặt bằng hoặc từng phần theo tiến độ xây dựng do Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định cụ thể trong hợp đồng.

- Tư vấn giám sát ký tham gia chứng kiến, nhận bàn giao cọc mốc từ Chủ đầu tư.

b) Kiểm tra, xem xét và cho ý kiến về hồ sơ do Chủ đầu tư cung cấp: Bao gồm:

- Giấy phép xây dựng.
- Hồ sơ thiết kế liên quan đến công trình, hạng mục công trình đã được duyệt bao gồm bản vẽ, thuyết minh thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và các tài liệu khác có liên quan. Bản vẽ thiết kế thi công bắt buộc phải được ký và có dấu “BẢN VẼ ĐÃ THẨM ĐỊNH” của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Trong trường hợp toàn bộ bản vẽ chưa được Chủ đầu tư triển khai phê duyệt xong mà chỉ có từng phần thì các phần này cũng buộc phải được đóng dấu phê duyệt theo quy định.
- Hợp đồng thi công xây dựng giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu thi công.
- Hồ sơ dự thầu được Chủ đầu tư chấp thuận của Nhà thầu thi công.
- Có biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng do Nhà thầu lập, Tư vấn giám sát kiểm tra, xem xét góp ý và được Chủ đầu tư phê duyệt.

2.3.2 Kiểm tra sự phù hợp năng lực của Nhà thầu thi công xây dựng công trình với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm:

a) Kiểm tra về nhân lực, thiết bị thi công của Nhà thầu thi công xây dựng công trình đưa vào công trường

- Kiểm tra nhân lực của Nhà thầu theo đúng hồ sơ trúng thầu đã phê duyệt. Chỉ huy trưởng công trường phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định; các cán bộ, công nhân viên của Nhà thầu phải có đủ chứng chỉ, văn bằng nghề nghiệp và chứng chỉ/chứng nhận tập huấn ATLĐ và VSLĐ. Tất cả các trường hợp khác với hồ sơ trúng thầu đều phải được Chủ đầu tư đồng ý bằng văn bản.

- Thiết bị thi công của Nhà thầu phải có tên trong danh sách thiết bị đưa vào công trình theo hồ sơ trúng thầu được phê duyệt, các máy móc thiết bị mang đến công trường phải có đủ các chứng chỉ kiểm định an toàn định kỳ còn hiệu lực. Tất cả các trường hợp khác với hồ sơ trúng thầu đều phải được Chủ đầu tư đồng ý bằng văn bản.

b) Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng của Nhà thầu thi công xây dựng công trình

- Hệ thống quản lý chất lượng của Nhà thầu phải được thể hiện trong hồ sơ trúng thầu, nếu trong hồ sơ trúng thầu không có hoặc thiếu thì kiến nghị Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu xây dựng cung cấp.

- Trường hợp hệ thống quản lý chất lượng của Nhà thầu không đúng như trong hồ sơ trúng thầu thì kiến nghị Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu thực hiện đúng như trong hồ sơ trúng thầu, nếu Nhà thầu có thay đổi thì phải có văn bản đề nghị và được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

### 2.3.3 Kiểm tra biện pháp thi công

TVGS kiểm tra đánh giá biện pháp thi công về các nội dung đảm bảo chất lượng, tiến độ; hệ thống quản lý chất lượng; chỉ huy trưởng công trường, kỹ sư chất lượng, phụ trách an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ; phương án tổ chức mặt bằng, phối hợp công việc giữa các Nhà thầu; các dự phòng rủi ro và biện pháp khống chế và các nội dung khác có liên quan.

2.3.4. Kiểm tra giấy phép sử dụng các máy móc, thiết bị, chứng chỉ thợ vận hành máy

a) Các máy móc thiết bị đưa vào công trình phải có các tài liệu sau:

- Lý lịch máy, chứng nhận kiểm định an toàn đối với các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Các thiết bị đo đạc kiểm tra phải có chứng nhận hiệu chuẩn của cơ quan có chức năng.

b) Thợ vận hành máy, thiết bị đo kiểm phải có đủ chứng chỉ đào tạo vận hành hợp lệ theo quy định.

2.3.5. Kiểm tra phòng thí nghiệm và các cơ sở sản xuất vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng phục vụ thi công

a) Nhà thầu phải đệ trình phương án sử dụng các phòng thí nghiệm hợp chuẩn, như trong hồ sơ trúng thầu hoặc tương đương, có chứng chỉ cấp nhà nước (dấu LASXD, VILAS). Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát, Nhà thầu và đại diện Phòng thí nghiệm sẽ tiến hành kiểm tra điều kiện hoạt động thực tế của Phòng thí nghiệm làm cơ sở để Chủ đầu tư ra văn bản chấp thuận Phòng thí nghiệm.

b) Các cơ sở sản xuất vật tư vật liệu dự định cung cấp cho công trình theo cam kết của Nhà thầu trong hồ sơ trúng thầu phải có Đăng ký kinh doanh, có các giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng sản phẩm do cơ quan có thẩm quyền cấp.

**2.5 Kiểm tra và nghiệm thu vật tư vật liệu, sản phẩm chế tạo sẵn và thiết bị (vật liệu-thiết bị) dùng để thi công, lắp đặt vào công trình do Nhà thầu thi công xây dựng công trình cung cấp theo yêu cầu của thiết kế.**

2.5.1. Trình phê duyệt vật liệu-thiết bị

a) Nhà thầu có trách nhiệm trình vật tư, vật liệu, sản phẩm chế tạo sẵn và thiết bị vào sử dụng và lắp đặt vào công trình theo hồ sơ dự thầu được chấp thuận để Chủ đầu tư phê duyệt.

b) Chủ đầu tư kiểm soát và phê duyệt dựa trên yêu cầu thiết kế, hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu được phê duyệt.

c) Nhà thầu chỉ được phép đưa đúng những vật tư vật liệu, sản phẩm chế tạo sẵn và thiết bị được phê duyệt đó vào công trường.

2.5.2. Kiểm tra vật liệu - thiết bị

a) Đối với vật tư:

- Kiểm tra giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (với vật liệu nhập khẩu), chứng nhận chất lượng, kết quả thí nghiệm của nhà sản xuất trước khi đưa vật tư thiết bị vào công trình. Tổ chức lấy mẫu và thí nghiệm vật tư theo quy định. Công tác thí nghiệm được thực hiện tại Phòng thí nghiệm hợp chuẩn do Nhà thầu đề xuất được Chủ đầu tư kiểm tra chấp thuận.

b) Đối với thiết bị:

Kiểm tra giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (với thiết bị nhập khẩu), chứng nhận chất lượng, catalogue, tài liệu hướng dẫn lắp đặt và vận hành của nhà sản xuất trước khi đưa vật tư thiết bị vào công trình.

c) Đối với sản phẩm chế tạo sẵn (nếu có):

- Với các sản phẩm được sản xuất công nghiệp và đã là hàng hóa trên thị trường, Tư vấn giám sát kiểm tra xuất xứ, nhãn mác hàng hóa; công bố sự phù hợp về chất lượng của nhà sản xuất, chứng nhận hợp quy, chứng nhận hợp chuẩn; chứng chỉ chất lượng, phiếu xuất xưởng. Tư vấn giám sát kiểm tra cơ sở sản xuất hàng hóa khi Chủ đầu tư có yêu cầu theo hợp đồng;

- Với các sản phẩm được sản xuất, chế tạo riêng cho công trình xây dựng theo yêu cầu của thiết kế là sản phẩm được sản xuất, chế tạo tại các cơ sở sản xuất công nghiệp, Tư vấn giám sát kiểm tra chứng chỉ chất lượng, phiếu xuất xưởng, biên bản nghiệm thu chất lượng của Nhà thầu và đơn vị sản xuất. Tư vấn giám sát kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất cơ sở chế tạo trong quá trình sản xuất.

### 2.5.3 Thí nghiệm, kiểm định, giám định

a) Khi có nghi ngờ về chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ vật liệu-thiết bị sử dụng lắp đặt vào công trình do Nhà thầu cung cấp, Tư vấn giám sát kiến nghị Chủ đầu tư thực hiện kiểm tra trực tiếp vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình, bởi một phòng thí nghiệm hợp chuẩn hoặc đơn vị kiểm định, giám định độc lập do Chủ đầu tư chỉ định và chấp nhận.

b) Nhà thầu, nhà cung cấp, nhà sản xuất phải có văn bản giải trình làm rõ và cam kết bằng văn bản, chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng, nguồn gốc xuất xứ vật tư vật liệu, sản phẩm chế tạo sẵn trong phạm vi trách nhiệm của mình. Văn bản cam kết phải được Chủ đầu tư chấp thuận.

### 2.5.4. Nghiệm thu vật tư, vật liệu, thiết bị đưa vào sử dụng

a) Các kết quả kiểm tra và số lượng vật tư vật liệu đưa vào công trình từng thời điểm trong ngày được ghi trong nhật ký thi công (NKTC).

b) Tất cả vật tư, vật liệu, thiết bị phải được nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng, lắp đặt cho công trình.

c) Trường hợp do yêu cầu tiến độ Nhà thầu có thể sử dụng trước nếu được sự đồng ý của Chủ đầu tư. Các chi phí hủy bỏ, thay thế vật tư, vật liệu, thiết bị không đạt yêu cầu chất lượng theo kết quả thí nghiệm, kiểm định, giám định và ảnh hưởng đến tiến độ công trình Nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm.

d) Biên bản nghiệm thu vật tư vật liệu sản phẩm chế tạo sẵn và thiết bị xem Phụ lục .

## **2.6. Giám sát chất lượng và nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng**

### 2.6.1. Lập và phê duyệt biện pháp thi công

a) Nhà thầu có trách nhiệm lập biện pháp thi công cho các công việc mà mình thực hiện dựa trên hồ sơ dự thầu đã được Chủ đầu tư chấp thuận và điều kiện thực tế hiện trường. BPTC phải chuyển cho Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư xem xét cho ý kiến chấp thuận bằng văn bản.

b) BPTC phải thể hiện được các nội dung cơ bản như: Hệ thống quản lý chất lượng; thuyết minh tính toán biện pháp (nếu cần theo yêu cầu của TVGS); các bản vẽ mặt bằng tổ chức thi công, trình tự thi công; các giải pháp dự phòng và giải quyết sự cố; các yêu cầu về đảm bảo tiến độ, huy động nhân lực; các biện pháp phối hợp

với các Nhà thầu khác có liên quan; các yêu cầu về đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; biện pháp bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, và an ninh trật tự trên công trường.

c) Đối với các biện pháp thi công được cho là đặc biệt thì phải có cả thiết kế riêng (thuyết minh tính toán và bản vẽ) và Chủ đầu tư chấp thuận. Nếu thấy cần thiết Biện pháp thi công này phải được đơn vị tư vấn có năng lực thẩm tra, Chủ đầu tư chỉ định đơn vị tư vấn thẩm tra.

#### 2.6.2 Giám sát thi công xây dựng

a) Tư vấn giám sát có trách nhiệm giám sát thi công và xác nhận khối lượng đúng thiết kế; đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng và theo biện pháp thi công được duyệt.

b) Kịp thời phát hiện sai sót, bất hợp lý và nội dung không phù hợp cần điều chỉnh của thiết kế để báo cáo Chủ đầu tư yêu cầu Tư vấn thiết kế xử lý, điều chỉnh.

#### 2.6.3. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng:

a) Trong quá trình giám sát thi công xây dựng nếu thấy nghi ngờ về chất lượng công việc xây dựng mà Nhà thầu không thể chứng minh làm rõ, Tư vấn giám sát đề nghị Chủ đầu tư tổ chức kiểm định lại;

b) Chủ đầu tư chỉ định nhà thầu kiểm định đủ năng lực thực hiện công tác kiểm định;

c) Tư vấn giám sát kiểm tra năng lực nhà thầu kiểm định và chứng kiến, kiểm tra kết quả kiểm định;

d) Chi phí kiểm định do bên thực hiện sai chi trả.

2.6.4 Phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công

a) Nguyên tắc về việc phối hợp các bên trong giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng là: Chủ đầu tư chủ trì tổ chức giải quyết, các đơn vị tham gia xây dựng công trình đưa ra ý kiến của mình;

b) Trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan Chủ đầu tư là người đưa ra quyết định cuối cùng để các bên thực hiện nếu không còn vướng mắc.

#### 2.6.5. Lập và xác nhận bản vẽ hoàn công

a) Bản vẽ hoàn công là bản vẽ bộ phận công trình, công trình xây dựng hoàn thành, trong đó thể hiện kích thước thực tế so với kích thước thiết kế, được lập trên cơ sở bản vẽ thi công đã được phê duyệt.

b) Nếu các kích thước thực tế của công trình, hạng mục công trình không vượt quá sai số cho phép so với kích thước thiết kế, bản vẽ thi công được chụp (photocopy) lại và được các bên có liên quan đóng dấu và ký xác nhận lên bản vẽ để làm bản vẽ hoàn công. Nếu các kích thước, thông số thực tế thi công có thay đổi so với kích thước, thông số của thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt thì cho phép nhà thầu thi công xây dựng ghi lại các trị số kích thước, thông số thực tế trong ngoặc đơn bên cạnh hoặc bên dưới các trị số kích thước, thông số cũ trong tờ bản vẽ này.

c) Các bộ phận bị che khuất của công trình phải được lập bản vẽ hoàn công hoặc được đo đạc xác định kích thước thực tế trước khi tiến hành công việc tiếp theo.

d) Mọi sửa đổi so với thiết kế được duyệt phải được thể hiện trên bản vẽ hoàn công. Các sửa đổi, bổ sung trong quá trình thi công đều phải có ý kiến của Tư vấn thiết kế, trong trường hợp sửa đổi thiết kế không làm thay đổi lớn đến thiết kế tổng thể công trình, người chịu trách nhiệm thiết kế (chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế) ghi trong NKTC (hoặc phiếu xử lý thiết kế).

đ) Những sửa đổi bổ sung này nhất thiết phải có ý kiến đồng ý của Chủ đầu tư và là cơ sở để Nhà thầu lập bản vẽ hoàn công.

e) Phần sửa đổi bổ sung được bổ sung vẽ riêng thành một bản kèm theo bản vẽ hoàn công theo bản vẽ thi công nếu trong bản vẽ hoàn công không thể hiện được (có ghi chú vẽ từ NKTC hoặc phiếu xử lý thiết kế). Hoặc chi tiết sửa đổi trong bản vẽ hoàn công được đánh dấu khoanh lại và ghi chỉ dẫn xem ở bản chi tiết từ NKTC hoặc phiếu xử lý thiết kế.

g) Nhà thầu có trách nhiệm lập bản vẽ hoàn công xây dựng công trình. Trong bản vẽ hoàn công phải ghi rõ họ tên, chữ ký của: Người lập bản vẽ hoàn công; Chỉ huy trưởng công trình hoặc giám đốc dự án; Tư vấn giám sát trưởng. Bản vẽ hoàn công là cơ sở để nghiệm thu hạng mục công trình và thực hiện bảo hành và bảo trì công trình.

h) Đối với trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên trong liên danh có trách nhiệm lập bản vẽ hoàn công phần việc do mình thực hiện, không được ủy quyền cho thành viên khác trong liên danh thực hiện

2.6.6. Quy định chung về nghiệm thu công trình xây dựng (Công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại điều 21 22, 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ)

a) Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng, bao gồm: Nghiệm thu công việc xây dựng; nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng; nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng.

b) Chủ đầu tư gửi cơ quan quản lý nhà nước báo cáo hoàn thành hạng mục công trình hoặc hoàn thành công trình cùng danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình.

c) Tư vấn giám sát nghiệm thu công việc xây dựng; nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng; nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng.

d) Các bộ phận bị che khuất của công trình phải được nghiệm thu và vẽ bản vẽ hoàn công hoặc đo đạc xác định kích thước thực tế trước khi tiến hành các công việc tiếp theo.

đ) Đối với một số công việc nhất định nghiệm thu nhưng chưa thi công ngay hoặc đối với một số vị trí có tính đặc thù, thì trước khi thi công tiếp theo phải tổ chức nghiệm thu lại.

e) Đối với công việc, giai đoạn thi công xây dựng sau khi nghiệm thu được chuyển Nhà thầu khác thực hiện tiếp thì phải được Nhà thầu thực hiện giai đoạn tiếp theo cùng tham gia nghiệm thu và ký xác nhận.

2.6.7. Nghiệm thu công việc xây dựng Nghiệm thu công việc xây dựng thực hiện theo Điều 21 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ, cụ thể:

a) Căn cứ vào kế hoạch thí nghiệm, kiểm tra đối với các công việc xây dựng và tiến độ thi công thực tế trên công trường, người trực tiếp giám sát thi công xây dựng công trình và người trực tiếp phụ trách kỹ thuật thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện nghiệm thu công việc xây dựng và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá chất lượng công việc xây dựng đã được thi công, nghiệm thu; kết quả nghiệm thu được xác nhận bằng biên bản.

b) Người giám sát thi công xây dựng công trình phải căn cứ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, chỉ dẫn kỹ thuật được phê duyệt, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng, các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình thi công xây dựng có liên quan đến đối tượng nghiệm thu để kiểm tra các công việc xây dựng được yêu cầu nghiệm thu.

c) Người giám sát thi công xây dựng phải thực hiện nghiệm thu công việc xây dựng trong khoảng thời gian không quá 24 giờ kể từ khi nhận được đề nghị nghiệm thu công việc xây dựng của nhà thầu thi công xây dựng. Trường hợp không đồng ý nghiệm thu phải thông báo lý do bằng văn bản cho nhà thầu thi công xây dựng.

d) Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng được lập cho từng công việc xây dựng hoặc lập chung cho nhiều công việc xây dựng của một hạng mục công trình theo trình tự thi công, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tên công việc được nghiệm thu;
- Thời gian và địa điểm nghiệm thu;
- Thành phần ký biên bản nghiệm thu;
- Kết luận nghiệm thu, trong đó nêu rõ chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu; đồng ý cho triển khai các công việc tiếp theo; yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện công việc đã thực hiện và các yêu cầu khác (nếu có);
- Chữ ký, họ và tên, chức vụ của người ký biên bản nghiệm thu;
- Phụ lục kèm theo (nếu có).

e) Thành phần ký biên bản nghiệm thu:

- Người trực tiếp giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư;
- Người trực tiếp phụ trách kỹ thuật thi công của nhà thầu thi công xây dựng hoặc của tổng thầu, nhà thầu chính;
- Người trực tiếp phụ trách kỹ thuật thi công của nhà thầu phụ đối với trường hợp có tổng thầu, nhà thầu chính.

g) Trường hợp nhà thầu là liên danh thì người phụ trách trực tiếp thi công của từng thành viên trong liên danh ký biên bản nghiệm thu công việc xây dựng do mình thực hiện.

h) Đối với các công việc kiểm tra nghiệm thu thường xuyên thì kết quả kiểm tra ghi vào Phiếu kiểm tra công việc xây dựng theo mẫu.

2.6.8. Nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng

a). Việc nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc một bộ phận công trình được thực hiện khi kết thúc một giai đoạn thi công hoặc một bộ phận công trình cần phải thực hiện kiểm tra, nghiệm thu để đánh giá chất lượng trước khi chuyển sang giai đoạn thi công tiếp theo.

b) Nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng theo Điều 21 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ, cụ thể: Việc nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng được thực hiện trên cơ sở xem xét kết quả các công việc đã được nghiệm thu theo quy định tại Mục Nghiệm thu công việc xây dựng, các kết quả thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, chạy thử đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của thiết kế xây dựng và các văn bản pháp lý theo quy định của pháp luật có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng để đánh giá các điều kiện nghiệm thu theo thỏa thuận giữa các bên.

2.6.9. Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng

a) Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng thực hiện theo Điều 22 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ, cụ thể:

- Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng: Trước khi đưa vào sử dụng, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức và trực tiếp tham gia nghiệm thu hoàn thành toàn bộ hạng mục công trình, công trình xây dựng khi đáp ứng các điều kiện sau:

+ Các công việc xây dựng đã được thi công đầy đủ theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt;

+ Công tác nghiệm thu công việc xây dựng, bộ phận, giai đoạn trong quá trình thi công được thực hiện đầy;

+ Kết quả thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, chạy thử đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của thiết kế xây dựng;

+ Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Nghiệm thu có điều kiện, nghiệm thu từng phần công trình xây dựng:

+ Chủ đầu tư được quyết định tổ chức nghiệm thu có điều kiện đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào khai thác tạm trong trường hợp việc thi công xây dựng cơ bản đã hoàn thành theo yêu cầu thiết kế, nhưng còn một số tồn tại về chất lượng mà không làm ảnh hưởng đến khả năng chịu lực, tuổi thọ, công năng của công trình và đảm bảo công trình đủ điều kiện khai thác an toàn và đáp ứng quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan. Kết quả nghiệm thu được xác nhận bằng biên bản trong đó phải nêu rõ các tồn tại về chất lượng cần được khắc phục hoặc các công việc xây dựng cần được tiếp tục thực hiện và thời gian hoàn thành các nội dung này, yêu cầu về giới hạn phạm vi sử dụng công trình (nếu có). Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình sau khi các tồn tại về chất lượng đã được khắc phục hoặc các công việc xây dựng còn lại đã được hoàn thành;

+ Trường hợp một phần công trình xây dựng đã được thi công hoàn thành và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, chủ đầu tư được quyết định việc tổ chức nghiệm thu phần công trình xây dựng này để đưa vào khai thác tạm. Kết quả nghiệm thu được xác nhận bằng biên bản theo các nội dung quy định trong đó phải nêu rõ về phần công trình được tổ chức nghiệm thu. Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục tổ chức thi công và nghiệm thu đối với các phần công trình, hạng mục công trình xây dựng còn lại theo thiết kế; quá trình tiếp tục thi công phải đảm bảo an toàn và không ảnh hưởng đến việc khai thác, vận hành bình thường của phần công trình xây dựng đã được nghiệm thu

- Điều kiện để đưa công trình, hạng mục công trình vào khai thác, sử dụng:

+ Công trình, hạng mục công trình được nghiệm thu theo quy định tại khoản 1, khoản 2;

- Trường hợp công trình đã hoàn thành thi công xây dựng nhưng có một số chỉ tiêu, thông số kỹ thuật chủ yếu không đáp ứng được yêu cầu thiết kế và không hoặc chưa đủ điều kiện để nghiệm thu hoàn thành hoặc nghiệm thu có điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, việc xử lý được thực hiện như sau:

+ Chủ đầu tư cùng với các nhà thầu phải làm rõ các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu thiết kế; xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan và xử lý vi phạm theo quy định của hợp đồng xây dựng;

+ Việc đưa công trình vào khai thác, sử dụng trong trường hợp này chỉ được xem xét đối với các Công trình dân dụng, công trình cung cấp tiện ích hạ tầng kỹ thuật thiết yếu phục vụ lợi ích cộng đồng trên cơ sở xác định lại các thông số kỹ thuật, các điều kiện để đưa vào khai thác, sử dụng và phải được người quyết định đầu tư chấp thuận và được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho ý kiến theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng bao gồm các nội dung:

+ Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng được nghiệm thu;

+ Thời gian và địa điểm nghiệm thu;

+ Thành phần ký biên bản nghiệm thu;

+ Đánh giá về việc đáp ứng các điều kiện nghiệm thu theo quy định tại khoản 1 Điều này và sự phù hợp của hạng mục công trình, công trình đã được thi công xây dựng so với yêu cầu thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và các yêu cầu khác của hợp đồng xây dựng;

+ Kết luận nghiệm thu (chấp thuận hay không chấp thuận nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng; yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác nếu có);

+ Chữ ký, họ và tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân của người ký biên bản nghiệm thu;

+ Phụ lục kèm theo (nếu có).

- Thành phần ký biên bản nghiệm thu:

+ Người đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư hoặc người được ủy quyền;

+ Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu giám sát thi công xây dựng, giám sát trường;

+ Người đại diện theo pháp luật, chỉ huy trưởng hoặc giám đốc dự án của các nhà thầu chính thi công xây dựng; trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải có đầy đủ người đại diện theo pháp luật, chỉ huy trưởng hoặc giám đốc dự án của từng thành viên trong liên danh;

+ Người đại diện theo pháp luật và chủ nhiệm thiết kế của nhà thầu thiết kế khi có yêu cầu của chủ đầu tư;

2.6.10. Tài liệu phục vụ nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng

a) Tài liệu phục vụ nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng quy định tại Phụ lục VIa Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

b) Chủ đầu tư thực hiện tập hợp hồ sơ pháp lý.

c) TVGS cùng Nhà thầu thi công xây dựng lập hồ sơ quản lý chất lượng.

d) Chủ đầu tư chuyển Hồ sơ hoàn thành công trình đến cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra phục vụ công tác nghiệm thu theo quy định.

### **2.7. Giám sát khối lượng:**

- Kiểm tra xác nhận, nghiệm thu về: khối lượng đạt chất lượng; đối chiếu với hồ sơ hợp đồng, bản vẽ thi công được duyệt và thực tế thi công để đưa vào chứng chỉ thanh toán hàng tháng hoặc từng kỳ, theo yêu cầu của hồ sơ hợp đồng.

- Căn cứ tình hình thực tế thi công và hồ sơ thiết kế được duyệt, điều kiện hợp đồng, xem xét đề xuất của nhà thầu xây lắp, đề xuất giải pháp và báo cáo kịp thời chủ đầu tư về: khối lượng phát sinh có trong hợp đồng gốc, khối lượng phát sinh mới ngoài hợp đồng gốc, do các thay đổi về phạm vi công việc và thiết kế được duyệt. Sau khi có sự thống nhất của chủ đầu tư bằng văn bản, rà soát, kiểm tra hồ sơ thiết kế, tính toán khối lượng, lập báo cáo và đề xuất với chủ đầu tư xem xét chấp thuận.

### **2.8 Giám sát tiến độ:**

#### **2.8.1. Tiến độ thi công công trình**

a) Tổng tiến độ dự án do Chủ đầu tư lập và phê duyệt và thực hiện trong suốt quá trình dự án.

b) Tiến độ thi công trình/hạng mục công trình do Nhà thầu lập dựa trên hồ sơ dự thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và phải phù hợp với tổng tiến độ dự án.

c) Chủ đầu tư phê duyệt tiến độ thi công trình/hạng mục công trình do Nhà thầu lập.

#### **2.8.2 Giám sát tiến độ**

a) Tư vấn giám sát giám sát theo dõi tiến độ thi công căn cứ tiến độ thi công chi tiết do Nhà thầu lập và đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

b) Trường hợp xét thấy tổng tiến độ của dự án bị kéo dài Tư vấn giám sát kiến nghị Chủ đầu tư báo cáo Người quyết định đầu tư để quyết định việc điều chỉnh tổng tiến độ của dự án.

c) Tư vấn giám sát thường xuyên cảnh báo Nhà thầu và báo cáo với Chủ đầu tư về tiến độ thi công. Với bất kỳ nguyên nhân nào dẫn đến chậm tiến độ thi công, Tư vấn giám sát cũng phải báo cáo với Chủ đầu tư để Chủ đầu tư giải quyết và có quyết định cụ thể và điều chỉnh tiến độ thi công nếu Chủ đầu tư thấy cần thiết.

d) Trường hợp nhà thầu tổ chức làm thêm giờ, làm việc ban đêm nhằm tăng tiến độ thi công, nhà thầu đều phải có thông báo đến các bên và đồng thời đảm bảo các điều kiện an toàn lao động, vệ sinh lao động.

## 2.9. Giám sát an toàn lao động, phòng chống cháy, nổ, vệ sinh môi trường:

### 2.9.1. Nguyên tắc chung:

Áp dụng QC18 2014 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng và TCVN 5308-91- Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng.

a) Trong bất kỳ tình huống nào, Nhà thầu thi công xây dựng cũng phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công.

b) Trước khi khởi công xây dựng, nhà thầu thi công xây dựng phải lập và trình Chủ đầu tư chấp thuận Kế hoạch tổng hợp về an toàn theo các nội dung quy định tại Phụ lục III Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ. Trong đó phải thể hiện được các biện pháp đảm bảo an toàn cho người lao động, thiết bị thi công, công trình chính, công trình tạm, công trình phụ trợ, công trình lân cận, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

c) Biện pháp thi công phải được nhà thầu thi công xây dựng rà soát định kỳ và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế công việc, hạng mục thi công tại công trường.

d) Các biện pháp đảm bảo an toàn, nội quy về an toàn lao động phải thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải có cảnh báo đề phòng tai nạn.

đ) Những người điều khiển máy, thiết bị thi công và những người thực hiện các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được quy định theo pháp luật về an toàn lao động phải được huấn luyện về an toàn lao động và có thẻ an toàn lao động theo quy định.

e) Máy, thiết bị thi công có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định, đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định thì mới được phép hoạt động trên công trường. Khi hoạt động phải tuân thủ quy trình, biện pháp đảm bảo an toàn.

### 2.9.2. Giám sát an toàn lao động, phòng chống cháy, nổ, vệ sinh môi trường

a) Chủ đầu tư chấp thuận Kế hoạch tổng hợp về an toàn trong đó có nội quy an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường áp dụng trên toàn công trường;

b) Tư vấn giám sát thường xuyên kiểm tra, giám sát cảnh báo Nhà thầu và báo cáo với Chủ đầu tư về những vấn đề có nguy cơ mất an toàn lao động trên công trường:

- Kiểm tra biện pháp đảm bảo an toàn và thực hiện nội quy an toàn lao động của nhà thầu;

- Kiểm tra hệ thống, phương tiện an toàn lao động và phòng chống cháy nổ, hệ thống cảnh báo an toàn lao động của nhà thầu trong phạm vi toàn công trường;

- Kiểm tra các tài liệu an toàn về máy móc thiết bị thi công tham gia xây dựng công trình, các tài liệu kiểm định chứng minh sự an toàn của các thiết bị.

c) Đối với người lao động:

- Kiểm tra tài liệu như Sổ theo dõi công tác huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động, hoặc thẻ an toàn lao động cho người lao động theo nghề phù hợp đối với tất cả công nhân tham gia xây dựng công trình.

- Kiểm tra trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân trước khi khởi công và trong suốt quá trình thi công.

d) Tư vấn giám sát thường xuyên cảnh báo Nhà thầu và báo cáo với Chủ đầu tư về những vấn đề có nguy cơ ảnh hưởng tới vệ sinh môi trường trên công trường và khu vực xung quanh công trường. Kiểm tra biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng bao gồm môi trường nước, môi trường không khí, chất thải rắn, tiếng ồn và các yêu cầu khác về vệ sinh môi trường.

2.10 Những nội dung thực hiện khác của TVGS trong quá trình thi công

2.10.1. Xác nhận, đánh giá kết quả thực hiện hàng ngày của nhà thầu thi công vào nhật ký thi công công trình.

2.10.2. Lập báo cáo định kỳ (tháng, quý, năm) và đột xuất (khi có yêu cầu hoặc khi thấy cần thiết) gửi chủ đầu tư. Các nội dung chính cần tập trung báo cáo bao gồm:

a) Tình hình thực hiện dự án của nhà thầu thi công: huy động lực lượng (nhân lực, vật tư, thiết bị); công tác giải phóng mặt bằng; khối lượng, giá trị khối lượng công việc thực hiện, giá trị khối lượng được xác nhận giải ngân, thanh toán... đánh giá kết quả thực hiện so với yêu cầu kế hoạch, tiến độ;

b) Tình hình tạm ứng, giải ngân, thanh toán;

c) Những tồn tại và yêu cầu nhà thầu điều chỉnh, khắc phục...;

d) Tình hình hoạt động của tư vấn (huy động và bố trí lực lượng, kết quả thực hiện hợp đồng tư vấn);

đ) Các đề xuất, kiến nghị cụ thể của TVGS...

2.10.3. Tiếp nhận, đối chiếu và hướng dẫn nhà thầu xử lý theo các kết quả kiểm tra, thẩm định, giám định, phúc tra của các cơ quan chức năng và chủ đầu tư.

2.10.4. Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu lập hồ sơ hoàn công, thanh, quyết toán kinh phí xây dựng, rà soát và xác nhận để trình chủ đầu tư xem xét phê duyệt.

2.10.5. Tham gia thành phần hội đồng nghiệm thu theo quy định.

2.10.6. Phối hợp chặt chẽ với các thành phần của giám sát cộng đồng; tham gia giải quyết những sự cố có liên quan đến công trình xây dựng và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

#### 2.11. Giám sát trong giai đoạn bảo hành

2.11.1. Kiểm tra tình trạng công trình xây dựng, phát hiện hư hỏng để yêu cầu nhà thầu thi công, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình xác định nguyên nhân, đề xuất giải pháp sửa chữa, thay thế; rà soát và báo cáo chủ đầu tư, ban quản lý dự án xem xét, chấp thuận về nguyên nhân hư hỏng, giải pháp sửa chữa, khắc phục, thay thế của các nhà thầu thi công, cung ứng thiết bị.

2.11.2. Giám sát và nghiệm thu công việc khắc phục, sửa chữa của nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình xây dựng.

2.11.3. Xác nhận hoàn thành bảo hành công trình xây dựng cho nhà thầu thi công xây dựng công trình và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình

### **III. Báo cáo và thời gian thực hiện:**

- Thời gian thực hiện: Nhà thầu tự bố trí, sắp xếp thời gian thực hiện các công việc nêu trên nhưng phải đảm bảo tổng thời gian thực hiện không vượt quá tiến độ thực hiện gói thầu kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực kể cả thứ bảy và chủ nhật (trừ trường hợp bất khả kháng).

- Nội dung của các hồ sơ do nhà thầu lập phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Yêu cầu về chất lượng hồ sơ: Đáp ứng các yêu cầu hiện hành;

- Các báo cáo về tiến độ triển khai gói thầu:

+ Báo cáo về tiến độ triển khai công tác tư vấn (tuần, tháng, đột xuất).

+ Báo cáo các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

+ Báo cáo kết quả thực hiện trước các đợt nghiệm thu đồng thời có trách nhiệm bảo vệ và giải trình các tài liệu, hồ sơ trong phạm vi của hợp đồng trước các cơ quan, đoàn kiểm tra, thanh tra các cấp có thẩm quyền theo quy định

### **IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:**

- Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm làm việc tối thiểu của nhân sự thực hiện gói thầu phải hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu của E-HSMT. Các nhân sự chủ chốt phải có đầy đủ chứng chỉ hành nghề phù hợp với công việc thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Nhà thầu cam kết nếu trúng thầu sẽ huy động tất cả các chuyên gia đúng theo danh sách mà nhà thầu đã đề xuất trong HSDT để thực hiện các nội dung công việc. Các nhân sự không kiêm nhiệm công việc.

- Ngoài ra, nhà thầu tư vấn phải đề xuất các nhân sự hỗ trợ khác, đảm bảo về số lượng và chất lượng, để hoàn thành hợp đồng theo đúng tiến độ và chất lượng thiết kế xây dựng công trình.

### **V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:**

Bảo đảm cấp mọi giấy phép cần thiết cho các thành viên tư vấn thực hiện dịch vụ trong hợp đồng.

Đảm bảo cung cấp các tài liệu cần thiết liên quan đến dự án

Đảm bảo trách nhiệm thanh toán chi phí tư vấn theo quy định của hợp đồng.

Khi phát hiện các sai phạm về chất lượng công trình xây dựng của nhà thầu thi công xây dựng công trình thì phải buộc nhà thầu dừng thi công và yêu cầu khắc phục hậu quả.

Chủ đầu tư sẽ cung cấp cho nhà thầu các thông tin, tài liệu liên quan đến dự án mà Chủ đầu tư có được trong khoảng thời gian sớm nhất theo đề nghị của nhà thầu;

Chủ đầu tư sẽ cùng hợp tác với nhà thầu và tạo điều kiện đến mức tối đa cho nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng;

Thông tin: Chủ đầu tư sẽ trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của nhà thầu trong vòng 03 ngày làm việc.

Nhân lực của Chủ đầu tư: Chủ đầu tư có trách nhiệm cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với nhà thầu.

Chủ đầu tư sẽ cùng bàn bạc và đi tới thống nhất trước khi quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến phạm vi công việc của nhà thầu;

Chủ đầu tư sẽ cấp biên bản xác nhận việc hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng này cho nhà thầu. Tuy nhiên tất cả việc phê duyệt hay cấp bất kỳ văn bản nào của Bên mời thầu không làm giảm trách nhiệm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng này.